

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2025/DS-PT
Ngày 03 - 3- 2025
V/v: “*Tranh chấp
Hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

*-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hưởng
Các thẩm phán: Ông Phạm Tuấn Anh và ông Trần Đình Chi*

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025 và ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 02/2024/DSPT ngày 06 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*”. Do bản án dân sự sơ thẩm số 49/2024/DSST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2025/QĐXXPT-DS ngày 04 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Dương Văn Đ, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Khu 8, xã A, huyện P, tỉnh P (vắng mặt).

Đại diện theo ủy quyền:

+ Ông Lê Văn C, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Thôn 2, xã P, huyện V, thành phố H (có mặt).

+ Bà Chủ Thị Mỹ H, sinh năm 1998.

Địa chỉ: Xã T, huyện L, tỉnh P (vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH WJ (Công ty WJ).

Địa chỉ: Lô số 9, KCN T, thành phố T, tỉnh P.

Đại diện theo pháp luật: Ông Jang S. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Jang S:

+ Ông Trần Đức L - Chủ tịch Hội đồng thành viên (có mặt)

+ Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Tổ 8C, khu dân cư HV, phường T, thành phố T, tỉnh P (có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Dương Văn Đ - Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện, tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn ông Dương Văn Đ có quan điểm trình bày: Do có mối quan hệ quen biết với ông Jang S và đang làm việc tại Công ty WJ nên ngày 28/8/2023, ông Đ có ký Hợp đồng vay tiền với Công ty WJ. Theo Hợp đồng này thì ông Đ cho Công ty WJ vay số tiền là 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng) để Công ty WJ sử dụng vào mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Thực hiện theo nội dung Hợp đồng thì ngày 28/8/2023 ông Đ đã giao đủ cho Công ty WJ số tiền là 1.100.000.000đ theo giấy giao nhận tiền ngày 28/8/2023. Đến nay khi Công ty WJ đi vào hoạt động ổn định, có lợi nhuận và do có nhu cầu sử dụng tiền nên ông Đ đã yêu cầu Công ty WJ trả nợ nhưng Công ty WJ vẫn chây ì không trả cho ông Đ số tiền nêu trên.

Ngoài ra, trong quá trình Công ty WJ động có cần vốn để sản xuất kinh doanh và đáo hạn nợ vay ngân hàng nên ông Đ đã nhiều lần cho Công ty WJ vay tiền với tổng số tiền là 4.820.000.000đ (Bốn tỷ tám trăm hai mươi triệu đồng) thông qua hình thức chuyển khoản ngân hàng.

Tổng số tiền Công ty WJ vay của ông Đ là 5.920.000.000đ (Năm tỷ chín trăm hai mươi triệu đồng). Đến nay, Công ty WJ mới chỉ chuyển khoản trả tiền qua tài khoản ngân hàng cho ông Đ số tiền 900.000.000đ (Chín trăm triệu đồng) và trả bằng tiền mặt cho ông Đ nhiều lần với tổng số tiền là 3.620.000.000đ (Ba tỷ sáu trăm hai mươi triệu đồng). Hiện nay Công ty WJ còn nợ ông Đ tổng số tiền là 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng). Mặc dù ông Đ đã nhiều lần yêu cầu Công ty WJ phải trả nợ nhưng Công ty WJ không trả.

Ngày 30/3/2024 ông Đ đã gửi đơn đề nghị thanh toán nợ đến Công ty WJ và đến ngày 01/4/2024 Công ty đã tiếp nhận đơn đề nghị thanh toán nợ của ông Đ nhưng Công ty WJ vẫn không trả tiền cho ông.

Nay ông nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty WJ phải thanh toán lại cho ông Đ tổng số tiền nợ công ty còn vay là 2.300.000.000đ (Hai tỷ ba trăm triệu đồng) trong đó số tiền nợ theo Hợp đồng vay ngày 28/8/2023 là 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng) và số tiền nợ vay để đáo hạn ngân hàng và phục vụ việc sản xuất kinh doanh là 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng). Do khi vay tiền các bên không thỏa thuận về lãi suất, thực tế ông Đ cũng không lấy lãi nên không đề nghị Tòa án giải quyết phần lãi đối với các khoản vay tiền trên.

Ngày 11/9/2024 ông Đ xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 1.100.000.000đ (Một tỷ một trăm triệu đồng) theo hợp đồng vay ngày 28/8/2023. Ông đề nghị Công ty WJ phải thanh toán cho ông số tiền 1.200.000.000đ (Một tỷ hai trăm triệu đồng), là số tiền ông cho Công ty vay để đáo hạn Ngân hàng và phục vụ việc sản xuất kinh doanh.

Đại diện bị đơn ông Trần Đức L trình bày: Theo hồ sơ cung cấp của ông Dương Văn Đ tại Tòa án gồm có: Hợp đồng vay tiền ngày 28/8/2023 và giấy giao nhận tiền ngày 28/8/2023 giữa ông Dương Văn Đ và ông Jang S (quốc tịch Hàn Quốc) đại diện cho Công ty WJ là 1.100.000.000 VNĐ (Một tỷ một trăm triệu đồng). Nhưng tại thời điểm này ông Dương Văn Đ đang làm giám đốc sản

xuất tại Công ty WJ và số tiền ông Đ cho rằng Công ty vay nhưng không có chứng từ nhập quỹ công ty, không có kế hoạch sử dụng, phương án sản xuất kinh doanh sử dụng số tiền đã vay trên, nên không có căn cứ xác định ông Đ cho Công ty vay số tiền trên này.

Trong quá trình sản xuất kinh doanh Công ty cần vốn đảo nợ ngân hàng, ông Đ có cung cấp hồ sơ cho công ty vay dưới hình thức chuyển tiền vào tài khoản của Công ty WJ. Tuy nhiên, tại thời điểm này, chính ông Dương Văn Đ là người được Công ty WJ ủy quyền thực hiện mọi giao dịch tại ngân hàng theo giấy ủy quyền số: 01/GUQ/WJ ngày 03/9/2023 (do văn phòng công chứng T tại địa chỉ: Số 464 đường CP, phường G, thành phố T, tỉnh P công chứng).

Đồng thời vào thời điểm này ông Dương Văn Đ đang là Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH PDPT; Mã số thuế: 2601039407; Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty TNHH một thành viên; Mã số doanh nghiệp: 2601039407; Đăng ký lần đầu: ngày 05/02/2020. Địa chỉ doanh nghiệp: Khu 8, xã H, huyện P, tỉnh P, Việt Nam; Ngày hoạt động: 05/02/2020; được quản lý bởi: Chi cục thuế khu vực L-P

Qua kiểm tra hồ sơ chuyển tiền của ông Đ ông có thấy nghiệp vụ vay tiền của bà Bùi Thị L, lao động tự do (*Địa chỉ cư trú: Khu 2 - Vân Phú - Việt Trì - Phú Thọ*) nộp tiền vào cho Công ty WJ, sau đó từ Công ty WJ lại chuyển khoản sang cho Công ty TNHH Đầu tư Phát triển PD do ông Đ là đại diện, sau đó lại từ Công ty TNHH Đầu tư Phát triển PD lại được chuyển ra tài khoản cá nhân ông Dương Văn Đ, sau đó lại được chuyển lại cho bà Bùi Thị L sử dụng. Thực tế Công ty WJ không hề vay tiền như ông Đ đã trình bày. Như vậy việc vay nợ nêu trên giữa ông Dương Văn Đ là bên cho vay với ông Jang S - Tổng giám đốc Công ty WJ là không có thật.

Căn cứ hồ sơ chứng từ tại Công ty WJ hiện nay mọi giao dịch liên quan đến số tiền ông Dương Văn Đ nêu ra đều không có thật, chỉ là mang tính chất xử lý trên hồ sơ giấy tờ để hợp thức. Mặt khác nếu như việc vay nợ là có thật, thì phải có sự nhất trí và có nghị quyết của Hội đồng thành viên theo qui định, nhưng Công ty không có nghị quyết cho ông Đ đại diện Công ty đứng ra vay tiền của cá nhân. Trường hợp nếu ông Đ giao tiền cho Công ty do ông Jang S nhận thì ông Đ phải giao nộp cho tài vụ nhập quỹ công ty, ông Đ không thể giao trực tiếp giữa tổng giám đốc công ty với cá nhân ông Đ là sai qui định về tài chính.

Tại thời điểm đó ông Dương Văn Đ làm Giám đốc sản xuất Công ty WJ việc lương của cán bộ công nhân viên ông Dương Văn Đ để nợ lương dẫn đến việc đình công của cán bộ nhân viên tại công ty nhiều lần, nợ tiền thuê đất ban quản lý các khu công nghiệp lên đến 31/12/2023 số tiền là 1.113.862.683 đồng (Một tỷ một trăm mười ba triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi ba đồng), nợ tiền bảo hiểm xã hội từ tháng 06/2023 với số tiền là 650.356.073 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu ba trăm năm mươi sáu nghìn không trăm bảy mươi ba đồng). Không có động thái nộp tiền dẫn đến việc ông phải bỏ tiền nhà vào để chi lương nộp bớt tiền bảo hiểm để công ty thoát khỏi phá sản vực công ty dậy để tiếp tục hoạt động công ty lấy tiền trả nợ cũ.

Ông Dương Văn Đ đứng ra bán hàng của Công ty WJ cho Công ty Minh Anh với số tiền là 172.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu đồng), nhưng không thu được tiền số tiền 172.000.000 đồng về cho Công ty, nay ông Đ đã gây thiệt hại cho Công ty nhưng chưa hợp tác thu hồi số tiền này.

Mua máy dệt tròn về nhưng không sửa dụng được cũng không có phương án khắc phục vẫn để đắp chiếu tại công ty, mua của công ty TNHH PDPT của ông Dương Văn Đ giá trị máy móc là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

Công ty thua lỗ nợ nần như vậy mà ông Dương Văn Đ vẫn lấy đủ lương theo hợp đồng hợp tác là lãi suất sau khi trừ các loại chi phí sản xuất kinh doanh, trừ thuế thì chia lợi nhuận theo công thức thỏa thuận trong hợp đồng hợp tác kinh doanh là: ông Jang S 60%, ông Dương Văn Đ 40%. Nhưng theo hồ sơ kế toán tại Công ty ông thấy tháng nào ông Dương Văn Đ cũng lấy đủ lương của ông trước, còn việc lương cán bộ nhân viên công ty để nợ thanh toán sau với số tiền khoảng hơn 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

Như vậy, theo hợp đồng hợp tác kinh doanh thì ông Đ chỉ được nhận tiền theo tỷ lệ 40% là sau khi hạch toán chi phí, nhưng nay ông Đ lại kiện đòi trả lương cho ông Đ là không đúng (vì ông Đ đã lĩnh lương hàng tháng đều đặn 2000 USD/tháng rồi).

Về phía ông Jang S Tổng giám đốc Công ty WJ có trình bày với Hội đồng thành viên. Nội dung: Việc ông ký giấy hợp đồng vay tiền ngày 28/8/2023 là do không có người phiên dịch chính xác tiếng Hàn Quốc; ông chỉ nghe bập bõm ông Đ nói là ký để "phát triển sản xuất công ty" nên ông đã ký giấy nhận tiền, ông Jang S ký nhưng ông không xem, chỉ nghe ông Đ nói như nêu trên.

Ông thấy việc giấy tờ vay nợ tiền này có gì đó khuất tất, vì ông Jang S không biết tiếng Việt Nam, ông Đ nhờ người phiên dịch không có bằng cấp, không đăng ký với Sở Tư pháp nên không tin tưởng, không biết địa chỉ ở đâu.

Nếu có vay nợ tiền giữa Công ty WJ với cá nhân ông Đ thì phải có nghị quyết hội đồng thành viên. Số tiền ông Đ giao cho công ty phải giao cho thủ quỹ ký nhận đưa tiền vào hạch toán thu của Công ty để sản xuất kinh doanh theo phương án được công ty thông qua và cùng chịu rủi ro chung hoặc lợi nhuận chung theo pháp luật, không phải là giao cho cá nhân Tổng giám đốc nhận được.

Qua sự việc trên đề nghị Tòa án xem xét giải quyết:

1. Không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Dương Văn Đ, tuyên bố hợp đồng vay tiền ngày 28/8/2023 và giấy vay tiền đề ngày 23/8/2023 giữa ông Jang S là Tổng giám đốc Công ty WJ (WJ CO.,LTD); địa chỉ: tại Lô số 9, KCN T, thành phố T, tỉnh P, Việt Nam là vô hiệu, do vi phạm và không có người phiên dịch ra tiếng Hàn Quốc. Số tiền vay, cho vay không có thực, chỉ là hợp thức có lợi cho ông Dương Văn Đ.

- Tôi hoàn toàn đồng ý với lời khai của ông Jang S - Tổng giám đốc Công ty WJ không có gì thắc mắc khiếu nại.

2. Ông Dương Văn Đ phải có trách nhiệm giải quyết số máy móc đã bán cho Công ty WJ hiện nay không hoạt động được, gây thiệt hại cho Công ty. Công ty đã báo nhiều lần nhưng ông Dương Văn Đ không có mặt, không hợp tác.

Ông Nguyễn Quốc T đại diện theo ủy quyền của ông Jang S trình bày:
Hiện nay ông Đ làm đơn khởi kiện Công ty WJ. (Mã số thuế: 2600307572) ra Tòa án để đòi nợ số tiền tổng số là 2.300.000.000đ (*Hai tỷ ba trăm triệu đồng chẵn*). Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn Đ. Ông đề nghị Tòa án xem xét theo hợp đồng vay tiền đề ngày 28/8/2023 tại Văn phòng Công ty WJ được ký giữa ông Jang S với ông Dương Văn Đ.

Tại Điều 2 về thời hạn vay hai bên đã thỏa thuận, có nội dung: "*Bên ông Đ cho Công ty WJ vay để khi Công ty làm ăn phát triển có lợi nhuận thì đôi bên thương lượng ngày trả căn cứ theo giấy trả nợ thì coi như hợp đồng được kết thúc*".

Tuy nhiên, hiện nay Công ty WJ đang làm ăn, kinh doanh không có lãi. Từ 200 công nhân các năm trước đến năm 2022 giảm xuống còn 120 công nhân, đến hiện nay giảm xuống chỉ còn lại 40 công nhân. Những năm gần đây Công ty không có tiền để chi trả nợ, nhiều khách hàng có văn bản đã đòi nợ vật tư hàng hóa công ty đã mua nhưng Công ty chưa có tiền để trả nợ và chưa đến thời hạn đòi nợ, do Công ty đang gặp khó khăn, cụ thể các món nợ Nhà nước như sau:

1. Về tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn, bảo hiểm tai nạn lao động, bảo hiểm nghề nghiệp. Tính đến tháng 12/2023 (Quý 4/2023) Công ty còn nợ tổng số tiền nộp thuế là 508.544.442đ (*Năm trăm linh tám triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn bốn trăm bốn mươi hai đồng*). Công ty đang phải khát nợ.

2. Về nộp tiền thuế đất, hạ tầng, dịch vụ công cộng, thuế GTGT năm 2023 Công ty TNHH WJ vẫn còn nợ số tiền 953.705.564đ (*Chín trăm năm mươi ba triệu bảy trăm linh năm nghìn năm trăm sáu mươi tư đồng*) chưa có tiền để nộp, thanh toán, Công ty đang phải khát nợ.

3. Theo thông báo thụ lý vụ án số 05/2024/TLST- KDTM ngày 13/5/2024 của TAND tỉnh Phú Thọ, do ông Dương Văn Đ là nguyên đơn đã khởi kiện đòi với bị đơn là Công ty WJ, do ông Jang S làm Tổng giám đốc với số tiền phải trả cho ông Đ là 1.180.000.000đ (*Một tỷ một trăm triệu đồng chẵn*).

Trong đó: Tiền góp vốn là 1.000.000.000đ (*Một tỷ đồng chẵn*).

Tiền lương tháng 10,11/2023 và còn nợ các tháng khác là: 180.000.000đ (*Một trăm tám mươi triệu đồng chẵn*). Ông Đ còn khởi kiện về việc này TAND tỉnh Phú Thọ đang thụ lý giải quyết, Công ty WJ đã bãi nhiệm chức vụ Phó giám đốc của ông Đ trái pháp luật.

Do đó hiện nay Công ty đang gặp rất nhiều khó khăn trong sản xuất kinh doanh, không có lãi, theo hợp đồng vay tiền ông Đ ký thì cũng chưa đến thời hạn trả nợ.

Trong thời gian làm người đại diện theo pháp luật của Công ty WJ, ông Đ đã có hành vi điều hành vay nợ cá nhân với Công ty không rõ ràng, thiếu minh bạch. Tại hồ sơ nghiệp vụ kế toán Công ty không thể hiện vay nợ số tiền như ông Đ khai. Theo sao kê ngân hàng thì số tiền do một số cá nhân bên ngoài chuyển vào Công ty, sau đó chuyển vào ngân hàng, sau đó ngân hàng lại chuyển vào tài khoản của Công ty Phương Đông do ông Đ làm giám đốc. Việc ông Đ cho rằng đến nay Công ty WJ còn nợ ông 1.200.000.000đ là không có căn cứ,

nếu có thì đó là việc cá nhân của ông Đ với người khác, không liên quan tới Công ty.

Ông đề nghị Tòa án xem xét đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Đ về việc đòi Công ty trả số tiền 1.100.000.000đ theo hợp đồng vay tiền ngày 28/8/2023; không chấp nhận đơn khởi kiện của ông Dương Văn Đ về yêu cầu Công ty trả số tiền 1.200.000.000đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 49/2024/DSST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ đã quyết định:

Áp dụng: Khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 1, 3 Điều 273 của bộ luật tố tụng dân sự; Điều 167 luật doanh nghiệp 2020; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Đình chỉ xét xử về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu Công ty TNHH WJ phải trả số tiền nợ 1.100.000.000đ (*Một tỷ một trăm triệu đồng*)

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Dương Văn Đ về yêu cầu Công ty TNHH WJ phải tiền nợ 1.200.000.000đ (*Một tỷ hai trăm triệu đồng*).

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Dương Văn Đ phải chịu 48.000.000đ (*Bốn mươi tám triệu đồng*) tiền án phí. Ông Đ đã nộp 39.000.000đ (*Ba mươi chín triệu đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006046 ngày 02/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Ông Đ còn phải nộp số tiền 9.000.000đ (*Chín triệu đồng*)

Ngày 30 tháng 9 năm 2024, ông Đ kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 49/2024/DSST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ, đề nghị Công ty TNHH WJ phải thanh toán cho ông số tiền 1.200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa Đại diện ông Đ có mặt tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm của mình, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đông, buộc công ty TNHH WJ phải trả lại số tiền còn nợ là 1.200.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Ông Đ khởi kiện nhưng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình nên Tòa án cấp sơ thẩm đã xử bác yêu cầu khởi kiện của ông Đ là có căn cứ, đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nên đề nghị HĐXX bác kháng cáo của ông Đông, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 49/2024/DSST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đ kháng cáo không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ ý kiến trình bày của các bên đương sự, nội dung kháng cáo và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Đơn kháng cáo của ông Dương Văn Đ nộp trong thời hạn luật định, đơn hợp lệ nên cần chấp nhận để xem xét nội dung kháng cáo.

[2] Xét nội dung kháng cáo của ông Dương Văn Đ đề nghị Công ty WJ phải trả cho ông số tiền 1.200.000.000 đồng còn nợ thấy rằng: Tại cấp sơ thẩm ông Đ xác định trong năm 2023, ông cho Công ty WJ vay tiền nhiều lần. Số tiền này ông Đ cho Công ty vay nhưng thông qua chuyển khoản nhiều lần từ tài khoản Ngân hàng của cá nhân ông Đ đến tài khoản ngân hàng của Công ty, tổng số tiền 4.820.000.000 đồng và có một khoản tiền ông giao cho ông Jang S trực tiếp nhận và ký nhận bằng văn bản ngày 28/8/2023 là 1.100.000 đồng. Công ty đã chuyển khoản trả cho ông Đ tổng số tiền 900.000.000 đồng và trả 2.720.000.000 đồng bằng tiền mặt (BL 26). Nay Công ty còn nợ ông số tiền 1.200.000.000 đồng từ tiền ông cho vay qua tài khoản và khoản vay ngày 28/8/2023 bằng văn bản là 1.100.000.000 đồng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã ban hành quyết định yêu cầu ông Đ cung cấp chứng cứ chứng minh về việc ông Đ cho Công ty vay tiền thông qua hợp đồng, khế ước vay tiền làm cơ sở để ông Đ chuyển tiền từ tài khoản cá nhân của ông vào tài khoản của Công ty và chứng cứ chứng minh Công ty chuyển trả cho ông một phần nợ vào tài khoản số tiền 900.000.000 đồng như ông đã trình bày và số tiền trả 2.700.000.000 đồng, nhưng ông Đ không cung cấp được bất kỳ chứng cứ nào để chứng minh. Trong khi đó, năm 2023, ông Đ là người được Công ty WJ do chính ông Jang S là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Đông, phạm vi ông Đ được ủy quyền chỉ là đại diện Công ty để thực hiện vay vốn cho Công ty tại ngân hàng ngân hàng để phục vụ sản xuất của công ty. Do vậy, nếu ông Đ có cho Công ty vay, chuyển tiền từ tài khoản cá nhân ông Đ đến tài khoản Công ty cũng là vượt quá phạm vi ủy quyền, không phát sinh nghĩa vụ của Công ty đối với ông được. Nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định ông Đ khởi kiện cho rằng ông cho Công ty vay số tiền 1.200.000.000 đồng là không có căn cứ, nên đã bác yêu cầu của ông Đ là đúng pháp luật.

Ông Đ còn cung cấp chứng cứ là 01 hợp đồng ngày 28/8/2023, ông cho Công ty vay số tiền 1.100.000.000 đồng, bên vay là ông Jang S, có đóng dấu là Công ty WJ. Trong khi đó, bên vay là người nước ngoài, nhưng hợp đồng vay tiền không có phiên dịch nên không đảm bảo tính pháp lý và đối với hợp đồng này và ông Đ cũng đã rút yêu cầu khởi kiện, không liên quan đến yêu cầu khởi kiện của ông Đ đòi công ty phải trả số tiền còn nợ 1.200.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Tại cấp phúc thẩm, ông Đ cũng không đưa ra được bất kỳ chứng cứ nào khác để chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ. Nên cần chấp nhận quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị bác kháng cáo của ông Đông, giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm của TAND TP Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

[3] *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Do kháng cáo của ông Đ không được chấp nhận nên ông Đ phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Dương Văn Đ.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 49/2024/DSST ngày 27/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

2. *Về án phí dân sự phúc thẩm*: Căn cứ khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Dương Văn Đ chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận ông Đ đã nộp đủ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003142 ngày 11 tháng 10 năm 2024, tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết kháng cáo và kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- VKSND TP Việt Trì;
- Chi cục THADS TP Việt Trì;
- TAND TP Việt Trì;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hán Hưởng

